

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng.

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp huyện	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp huyện
1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	680.011.910.064	680.011.910.064	Tổng số chi	680.011.910.064	680.011.910.064
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	680.011.910.064	680.011.910.064	A Tổng số chi cân đối ngân sách	680.011.910.064	680.011.910.064
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	12.193.317.882	12.193.317.882	1. Chi đầu tư phát triển	64.682.960.962	64.682.960.962
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	0		2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0	
3.Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0		3. Chi thường xuyên	297.552.256.030	297.552.256.030
4. Thu kết dư năm trước	1.009.896.060	1.009.896.060	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	43.056.696.122	43.056.696.122	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	0
6. Thu viện trợ	0		6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	317.776.693.072	317.776.693.072
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	623.752.000.000	623.752.000.000		0	0
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	390.000.000.000	390.000.000.000			
- Bổ sung có mục tiêu	233.752.000.000	233.752.000.000			
+ Bổ sung có mục tiêu bằng vốn nước ngoài	0				
+ Bổ sung có mục tiêu bằng vốn trong nước	233.752.000.000	233.752.000.000			
8. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0				
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)				0	0
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh			B. Chi trả nợ gốc	0	0
Vay trả nợ gốc từ nguồn chính phủ cho vay lại			- Từ bội thu ngân sách	0	
			- Từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại	0	
			- Trung ương bổ sung có mục tiêu	0	

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán ngân sách cấp huyện	So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HDND quyết định		Cấp trên giao	HDND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	773.292.000.000	774.207.000.000	680.011.910.064	88%	88%
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	15.690.000.000	16.605.000.000	12.193.317.882	78%	73%
I	Thu nội địa	15.690.000.000	16.605.000.000	12.193.317.882	78%	73%
1	Thu từ kinh tế quốc doanh			-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			7.712.360		
	- Thuế tài nguyên			7.712.360		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.100.000.000	9.420.000.000	7.896.577.241	87%	84%
	- Thuế giá trị gia tăng	5.290.000.000	5.400.000.000	6.507.471.617	123%	121%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.000.000	310.000.000	219.269.087	73%	71%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.000.000	10.000.000	3.900.000		
	- Thuế tài nguyên	3.500.000.000	3.700.000.000	1.165.936.537	33%	32%
4	Lệ phí trước bạ	2.160.000.000	2.400.000.000	3.156.735.630	146%	132%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000.000	1.600.000.000	59.690.050	4%	4%
6	Phí, lệ phí	420.000.000	450.000.000	227.876.274	54%	51%
7	Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	600.000.000	-	0%	0%
8	Thu khác ngân sách	335.000.000	460.000.000	261.417.388	78%	57%
9	Thu tiền mặt đất, mặt nước	900.000.000	900.000.000	136.910.632	15%	15%
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	775.000.000	775.000.000	446.398.307	58%	58%
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp	75.000.000	75.000.000	136.233.569		
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	700.000.000	700.000.000	310.164.738		
B	THU CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	757.602.000.000	757.602.000.000	623.752.000.000	82%	82%
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	757.602.000.000	757.602.000.000	623.752.000.000	82%	82%
1	Bổ sung cân đối	641.405.000.000	641.405.000.000	390.000.000.000		61%
2	Bổ sung có mục tiêu	116.197.000.000	116.197.000.000	233.752.000.000	201%	201%
-	Bổ sung có mục tiêu bằng vốn trong nước	116.197.000.000	116.197.000.000	233.752.000.000	201%	201%
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			-		
D	THU CHUYÊN NGUỒN			43.056.696.122		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			1.009.896.060		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 THEO LĨNH VỰC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán ngân sách cấp huyện	So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Cấp trên giao	HĐND quyết định
	B	1	2	5	7=3/1	8=3/2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	773.142.000.000	774.207.000.000	680.011.910.064	88%	88%
I	Chi đầu tư phát triển	133.826.000.000	133.826.000.000	64.682.960.962	48%	48%
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	133.826.000.000	133.826.000.000	64.682.960.962	48%	48%
1.1	Chi quốc phòng		2.737.000.000	2.064.519.000		75%
1.2	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		27.209.000.000	9.871.462.000		36%
1.3	Chi Văn hóa thông tin		11.570.000.000	6.243.159.756		54%
1.4	Chi các hoạt động kinh tế		83.554.000.000	42.009.287.852		50%
1.5	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		8.756.000.000	4.494.532.354		51%
II	Chi thường xuyên	639.316.000.000	640.381.000.000	297.552.256.030	47%	46%
2.1	Chi quốc phòng		2.400.000.000	2.810.000.000		117%
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		346.000.000	346.000.000		100%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		477.324.200.000	208.864.689.868		44%
2.4	Chi Khoa học và công nghệ		700.000.000			0%
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		279.000.000	17.118.000		6%
2.5	Chi Văn hóa thông tin		2.733.000.000	1.654.622.013		61%
2.6	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		3.249.000.000	1.288.376.067		40%
2.7	Chi Thể dục thể thao		1.112.000.000	791.859.246		71%
2.8	Chi Bảo vệ môi trường		4.000.000.000	1.510.839.000		38%
2.9	Chi các hoạt động kinh tế		52.748.000.000	37.150.527.745		70%
2.10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		57.392.800.000	24.677.767.731		43%
2.11	Chi Bảo đảm xã hội		38.097.000.000	18.440.456.360		48%
III	Chi chuyển nguồn			317.776.693.072		